FireAnt

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,884
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,939
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,125
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	319
P/E	7.9
EPS	1,935

	YTD	1T	3T	6T
TVT	-4.0%	-4.0%	-6.5%	-4.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

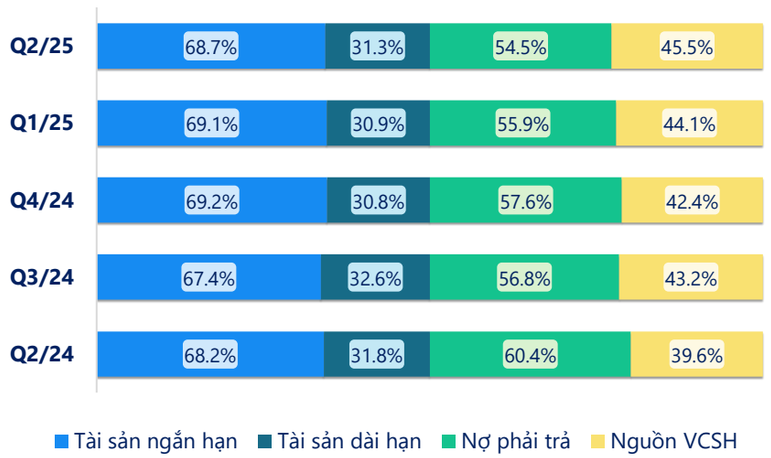

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

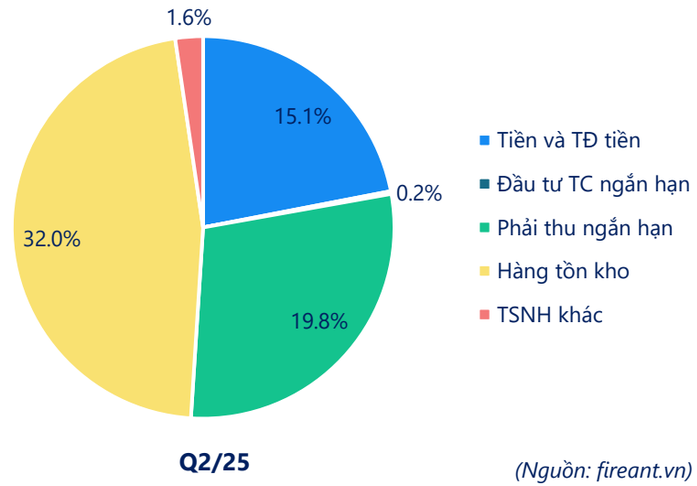

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

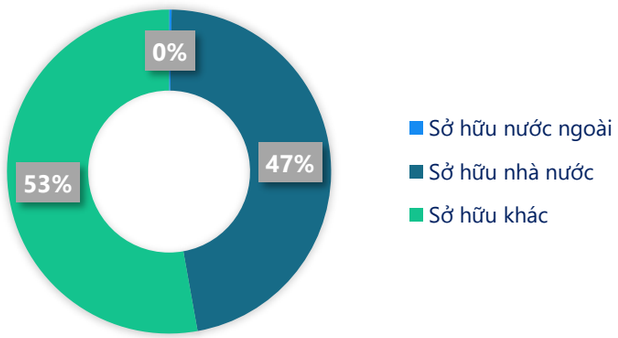

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

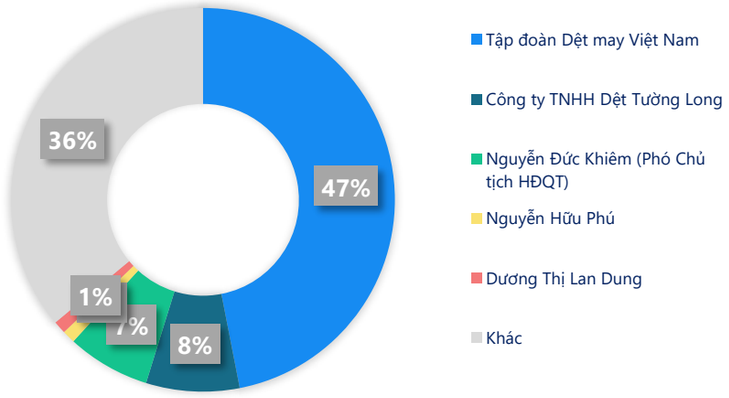

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

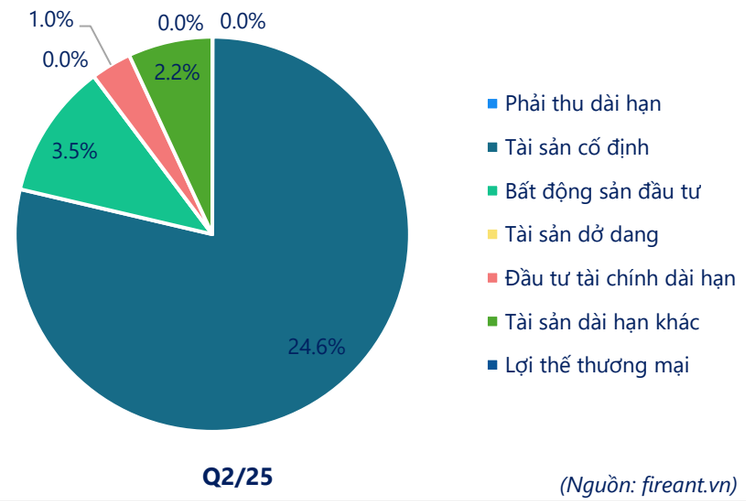

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)

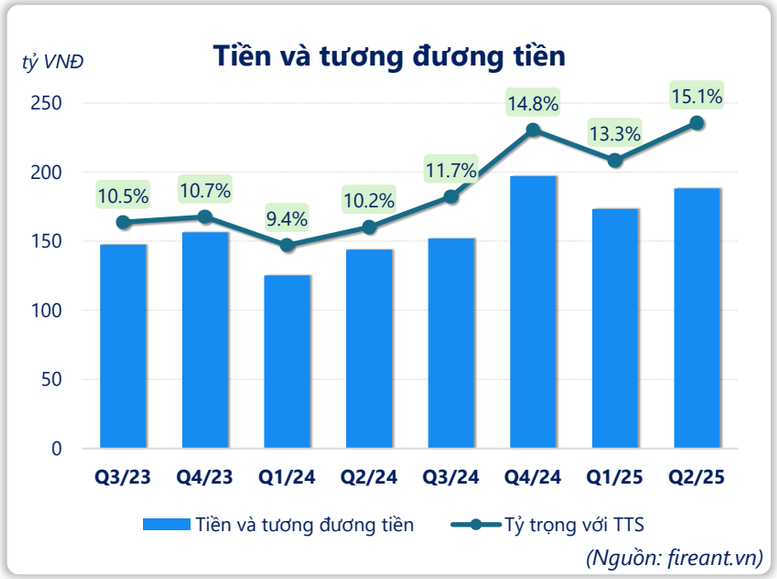

(Nguồn: fireant.vn)

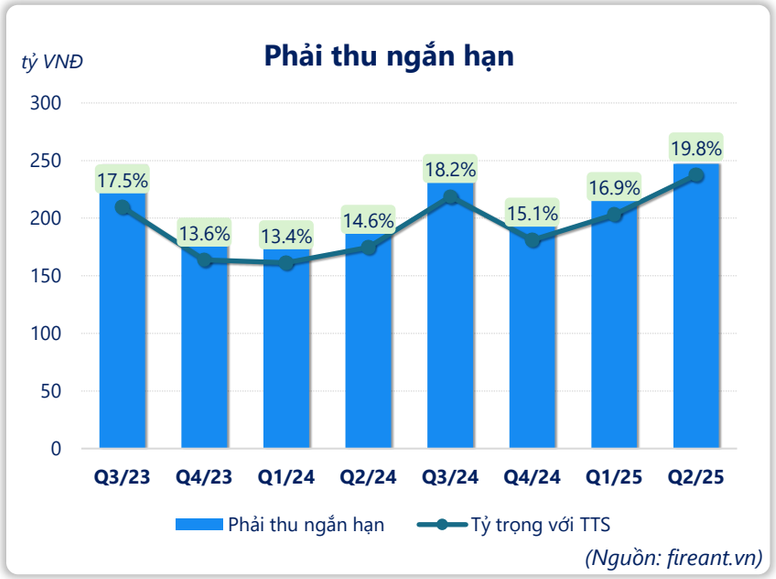

(Nguồn: fireant.vn)

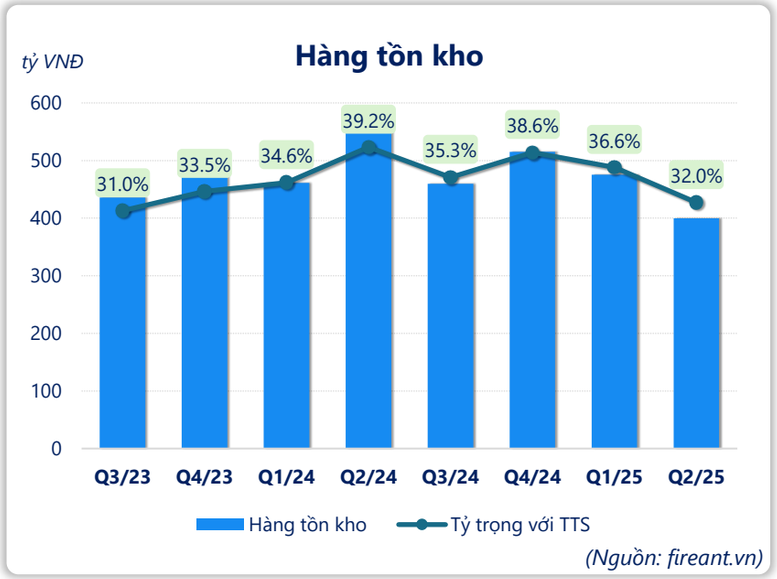

(Nguồn: fireant.vn)

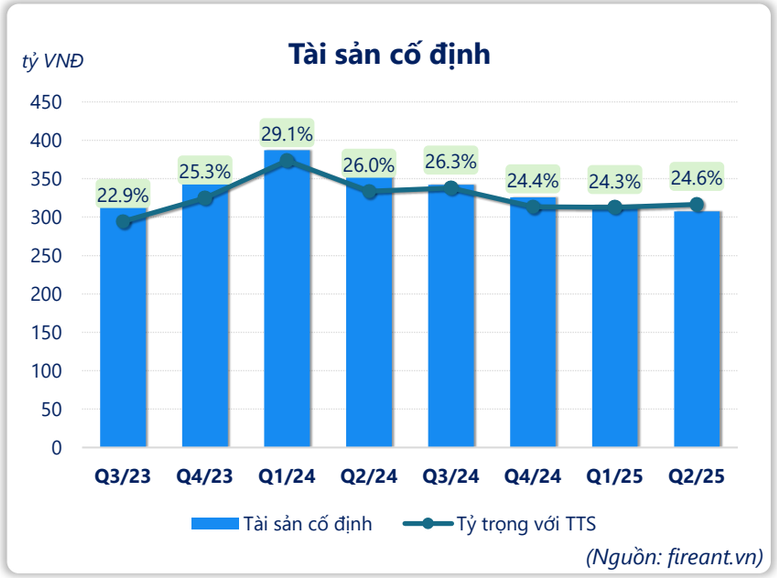

(Nguồn: fireant.vn)

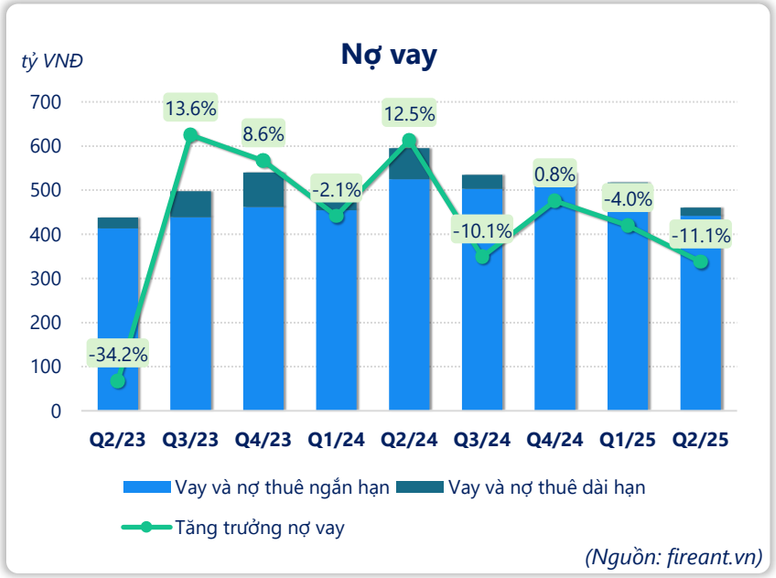

(Nguồn: fireant.vn)

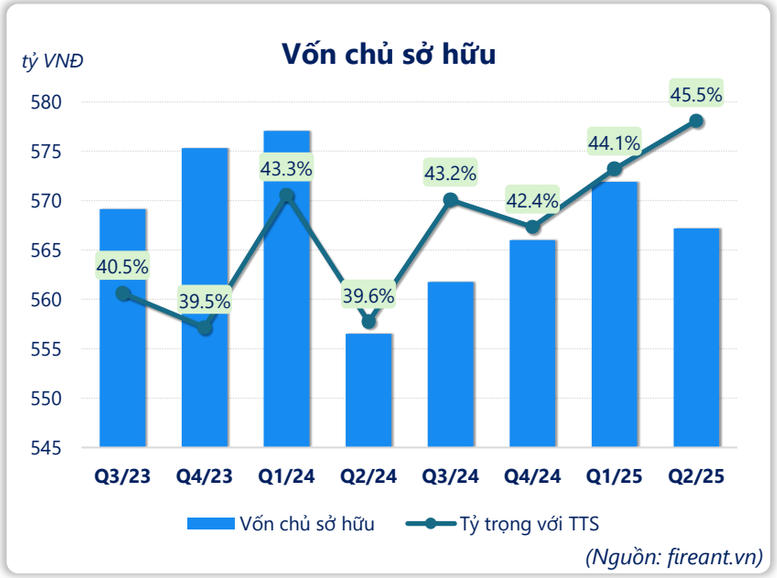

(Nguồn: fireant.vn)

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)

Kết quả kinh doanh

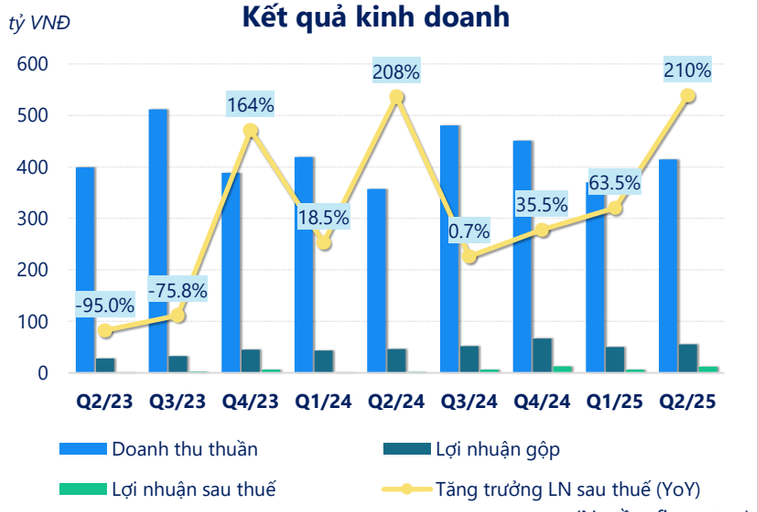

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

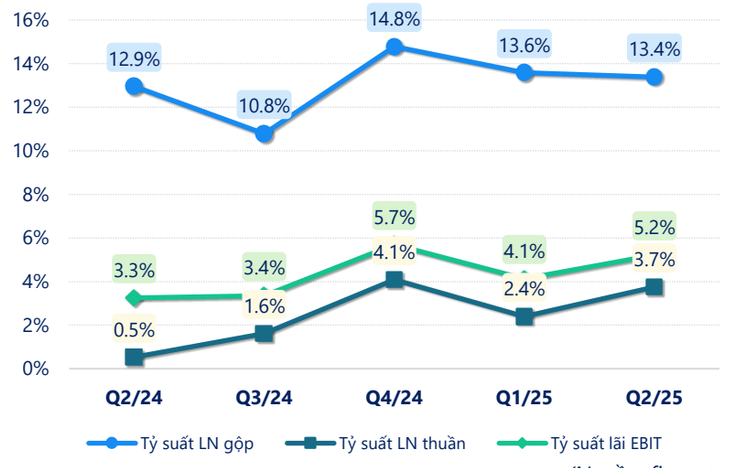

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

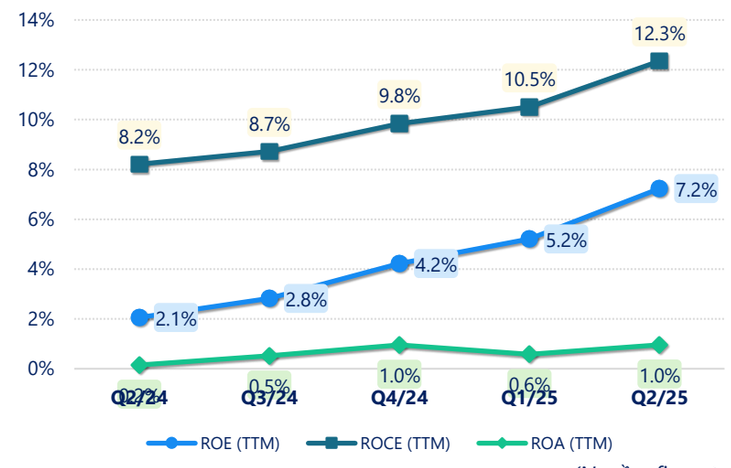

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

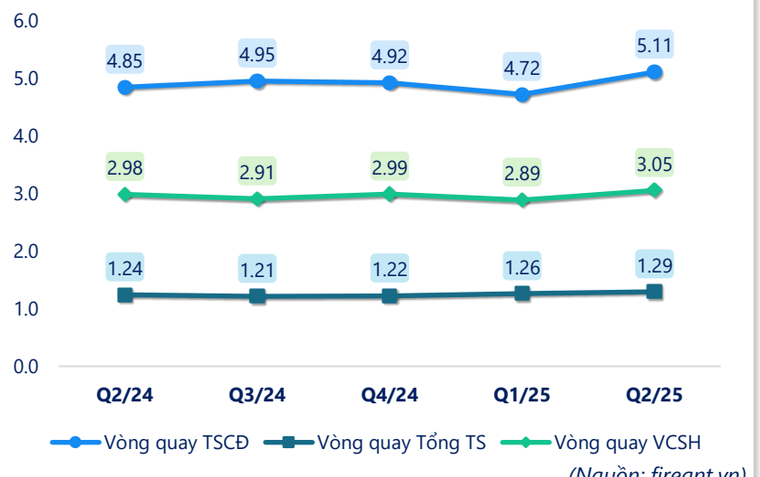

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

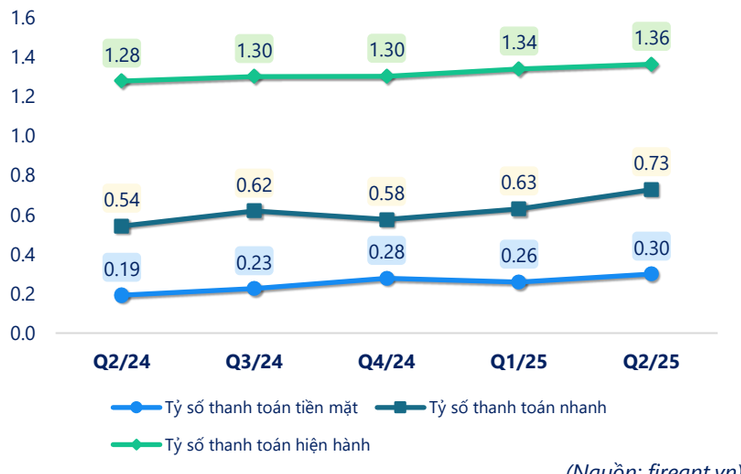

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

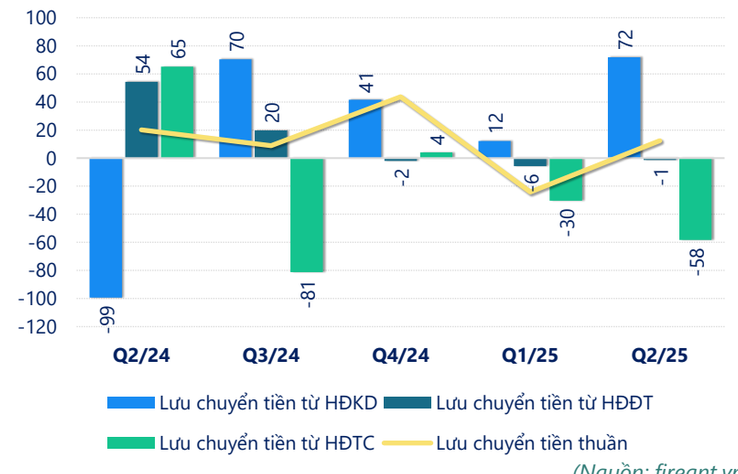

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,248**	**1,335**	**-6.6%**
Tài sản ngắn hạn	857	925	-7.3%
Tiền và tương đương tiền	188	197	-4.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	2.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	247	201	22.6%
Hàng tồn kho	400	515	-22.4%
Tài sản ngắn hạn khác	20.1	9.08	121%
Tài sản dài hạn	**391**	**411**	**-4.9%**
Phải thu dài hạn	0.13	0.11	18.2%
Tài sản cố định	307	326	-5.6%
Bất động sản đầu tư	43.3	41.3	4.8%
Tài sản dở dang	0	4.62	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.1	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**27.0**	**26.1**	**3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	680	770	-11.6%
Nợ ngắn hạn	**628**	**711**	**-11.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	442	512	-13.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	71.6	121	-40.8%
Nợ dài hạn	52.2	59.0	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.5	27.3	-32.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**567**	**566**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**567**	**566**	**0.2%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	357	480	451	370	414
Giá vốn hàng bán	311	429	384	320	359
Lợi nhuận gộp	46.2	51.8	66.6	50.3	55.4
Doanh thu HĐTC	1.49	1.71	2.93	1.45	3.70
Chi phí TC	12.7	10.8	6.82	6.47	6.18
Chi phí lãi vay	8.62	8.26	6.79	6.28	5.83
LN trong công ty LKLD	0.11	0.08	0.01	0.06	0.06
Chi phí bán hàng	3.48	6.04	6.56	4.79	4.97
Chi phí QLDN	29.7	29.0	37.7	31.7	32.5
LN thuần từ HĐKD	1.90	7.76	18.4	8.87	15.5
Lợi nhuận khác	1.09	0.08	0.45	0.16	0.27
LN trước thuế	2.99	7.84	18.9	9.03	15.8
Lợi nhuận sau thuế	1.79	6.37	12.8	6.28	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	2.03	6.99	13.3	7.63	12.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-99.3	70.4	41.5	12.1	71.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	54.2	19.7	-1.97	-5.82	-1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	65.1	-81.2	4.16	-30.4	-58.2
Tiền đầu kỳ	125	144	152	197	173
Lưu chuyển tiền thuần	**20.1**	**8.88**	**43.7**	**-24.1**	**12.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.54	-0.92	1.54	0.29	2.64
Tiền cuối kỳ	144	152	197	173	188

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic